TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16-10-2019
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

2. Bà Lê Thị Quỳnh Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 23/2019/QĐ-TA ngày 27 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nhã P, sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Số xxxx đường C, khu phố y, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Hoàng T, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số xxx/xx đường C (số cũ xxxx), khu phố y, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhã P trình bày:

Bà P và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện không bên nào ép buộc bên nào và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 15/11/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung, nhưng đến đầu năm 2017 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên không thể hòa giải được. Vợ chồng đã có một thời gian dài sống ly thân, nhưng không hàn gắn được tình cảm. Vì vậy, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có hai con chung là cháu Nguyễn K, sinh ngày 28/3/2012 và cháu Nguyễn A, sinh ngày 19/6/2015. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn A và giao cháu Nguyễn K cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Theo kết quả xác minh thì hiện nay ông T đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường P, chủ hộ là bà Nguyễn Minh L (bà ngoại).

Tại phiên tòa hôm nay, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt trong qúa trình tố tụng là chưa chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với ông T. Giao cháu K cho ông T và giao cháu A cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông T được xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo bà P, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên không thể hòa giải được. Trong qúa trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn cố tình vắng mặt, cho thấy không có thiện chí hòa giải đoàn tụ mà bỏ mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến. Theo kết quả xác minh tại gia đình của ông T cho thấy nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên bà P bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và sống ly thân khoảng 2 năm nay. Như vậy, lời trình bày của bà P phù hợp với kết quả xác minh cho thấy vợ chồng mâu thuẫn là có thật, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà P là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Có hai con chung là cháu Nguyễn K, sinh ngày 28/3/2012 và cháu Nguyễn A, sinh ngày 19/6/2015. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn A và giao cháu Nguyễn K cho ông T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong thời gian sống ly thân, cháu Nguyễn K sống với ông T, cháu Nguyễn A sống với bà P ổn định. Mặc dù, ông T vắng mặt trong quá trình tố tụng, nhưng theo nguyện vọng của cháu Nguyễn K là được tiếp tục sống với cha, nên cần giao cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng và giao cho bà P nuôi dưỡng cháu Nguyễn A là phù hợp. Việc bà P không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác

[4] Về án phí: Bà P là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhã P về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* đối với ông Nguyễn Minh Hoàng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nhã P được ly hôn với ông Nguyễn Minh Hoàng T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn K, sinh ngày 28/3/2012 cho ông Nguyễn Minh Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn A, sinh ngày 19/6/2015 cho bà Nguyễn Thị Nhã P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Nhã P không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nhã P phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0008669 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND phường Phước Trung,
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hoàng Đức